CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 32BCF/QNS/2021

BÁNH MỀM SÔCÔLA
KEM VANI SWEET PIE

2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 32BCF/QNS/2021

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI - QNS**

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại: 0255.3726110 - 0255.8567171;

Fax: 0255.3822843 - 0255.3811274.

E-mail: info@qns.com.vn; biscafun@vnn.vn

Mã số doanh nghiệp: 4300205943

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm:

BÁNH MỀM SÔCÔLA KEM VANI SWEET PIE

2. Thành phần:

Bánh nền: Bột mỳ, mạch nha, đường, chất béo (shortening), bột sữa béo, muối, chất tạo xốp (500ii, 503ii), chất điều chỉnh độ acid (341i), hương thực phẩm tổng hợp (vanilla), chất bảo quản (202).

Kem: Mạch nha, đường, gelatine, đạm đậu nành, hương thực phẩm tổng hợp (vani).

Sôcôla (20%): Đường, chất béo (CBR), bột sữa gầy, bột ca cao, bột whey, ca cao mass, chất nhũ hóa (322i, 476), hương thực phẩm tổng hợp (vani, sôcôla).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên bao bì sản phẩm.

4. Chất liệu bao bì và quy cách bao gói:

4.1. Chất liệu bao bì:

Bánh được đóng gói từng cái một bằng giấy OPP20/MCPP25. Các gói bánh được đựng trong hộp giấy cứng hoặc túi PE, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN 12-1:2011/BYT.

Hộp bánh hoặc túi PE được đựng trong thùng carton với khối lượng thích hợp.

4.2. Quy cách bao gói:

- Sản phẩm được đóng trong các loại bao bì với khối lượng tịnh: 156 g, 200 g, 216 g, 252 g, 264 g, 336 g, 440 g, ...

-Tùy theo nhu cầu của thị trường trọng lượng gói bánh có thể thay đổi cho phù hợp.

- Sản phẩm được đóng gói phù hợp theo Thông tư số: 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại Việt Nam.

Sản phẩm của Nhà máy Bánh kẹo Biscafun - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 02, đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy định của các văn bản kỹ thuật:

- Quyết định số: 46/2007/QĐ-BYT, ngày 19/12/2007: Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

2. Tiêu chuẩn sản phẩm của nhà sản xuất số: TCCS 32:2021/BCF-QNS

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 01 năm 2021

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Võ Thành Đàng

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 4300205943 - 022 - C.T.C.P
NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
TP. QUẢNG NGÃI T. QUẢNG NGÃI

Mai Văn Hùng

32.1

Bánh Mềm Sôcôla Kem Vani | Chocolate Pie With Vanilla Marshmallow Cream

Bánh Mềm Sôcôla Kem Vani
Chocolate Pie With Vanilla Marshmallow Cream

Khối lượng tịnh (Net weight): **320 g | (20 cái x 16 g)**

Thành phần: Bánh nền: Bột mỳ, mạch nha, đường, chất béo (shortening), bột sữa béo, muối, chất tạo xốp (500ii, 503ii), chất điều chỉnh độ acid (341i, hương thực phẩm tổng hợp (vanilla), chất bảo quản (202).
Kem: Mạch nha, đường, gelatine, đạm đậu nành, hương thực phẩm tổng hợp (vani).
Sôcôla (20%): Đường, chất béo (CBR), bột sữa gầy, bột ca cao, bột whey, ca cao mass, chất nhũ hoá (322i, 476), hương thực phẩm tổng hợp (vani, sôcôla).

Ingredients: Cake: Wheat flour, glucose syrup, sugar, fat (shortening), whole milk powder, salt, leavening agents (500i , 503ii), acidity adjusting agent (341i), artificial flavour (vanilla), preservative (202).
Cream: Glucose syrup, sugar, gelatine, soy protein, artificial flavour (vanillin).
Chocolate coating (20%): Sugar, fat (CBR), skim milk powder, cocoa powder, whey powder, cocoa mass, emulsifiers (322i, 476), artificial flavours (vanillin, chocolate).

Chỉ tiêu chủ yếu (Main qualitative targets):
Độ ẩm (Moisture) ..... ≤ 14% khối lượng

KHUYẾN CÁO:
Không dùng cho người mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần kể trên.

RECOMMENDATIONS:
Do not use for people who are sensitive or allergic to the above components

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:
Sản phẩm chỉ được sử dụng khi bao bì còn nguyên vẹn, không sử dụng khi bao bì bị rách, hở, có mùi vị lạ hay quá hạn sử dụng

USAGE:
Product is only used while the packing is undamaged, not use while the packing is open torn and having unusual taste and smell or over expiry date.
Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.
Keep in dry and cool place, avoid from direct sunlight and temperature

NSX và HSD: Xem trên bao bì.

Sản xuất tại:
NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN – CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
Địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
Manufactured by:
BISCAFUN CONFECTIONERY FACTORY – BRANCH OF QUANG NGAI SUGAR JOINT STOCK COMPANY
Address: 02 Nguyen Chi Thanh Street, Quang Phu Ward, Quang Ngai City, Quang Ngai Province, Vietnam.
Tel: (84) 0255-3822153
Email: info@biscafun.com.vn

Nutrition Facts

Serving Size	100g
Serving Per Container	

Amount Per Serving

Calories: 427.46	Calories from Fat 168.3
	% Daily Value *
Total Fat 18.7g	28.76%
Total Carbohydrate 60.3g	20.1%
Protein 4.49g	
Vitamin A 0%	Vitamin C 0%
Calcium 0%	Iron 0%

* Percent Daily Values are based on a 2,000 calories diet. Your daily values may be higher or lower depending on your calories needs.

	Calories	2,000	2,500
Total Fat	Less than	65g	80g
Sat.Fat	Less than	20g	25g
Cholesterol	Less than	300mg	300mg
Sodium	Less than	2,400mg	2,400mg
Total Carbohydrate		300g	375g
Dietary Fiber		25g	30g

Calories per gram
Fat 9 • Carbohydrate 4 • Protein 4

8 934614 025284

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 4300205943 C.T.C.P * NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI * TP. QUẢNG NGÃI T. QUẢNG NGÃI

Mai Văn Hùng

32,1

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 4300205943-02 C.T.C.P
NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
TP. QUẢNG NGÃI T. QUẢNG NGÃI

Mai Văn Hùng

32.2

BiscaFun

Sweet Pie

-GREAT- taste 100% GUARANTEED

Đậm đà hương vị Vani

Chocolate Pie With Vanilla Marshmallow Cream | **Bánh Mềm Sôcôla Kem Vani**

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N:4300205943-02 C.T.C.P
NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
TP.QUẢNG NGÃI T.QUẢNG NGÃI

Mai Văn Hùng

BiscaFun

Sweet Pie

-GREAT- taste 100% GUARANTEED

Đậm đà hương vị Vani

Bánh Mềm Sôcôla
Kem Vani

Chocolate Pie With Vanilla Marshmallow Cream

Khối lượng tịnh (Net weight): **440 g** | **(20 cái x 22 g)**

Thành phần: Bánh nền: Bột mỳ, mạch nha, đường, chất béo (shortening), bột sữa béo, muối, chất tạo xốp (500ii, 503ii), chất điều chỉnh độ acid (341i), hương thực phẩm tổng hợp (vanilla), chất bảo quản (202).
Kem: Mạch nha, đường, gelatine, đạm đậu nành, hương thực phẩm tổng hợp (vani).
Sôcôla (20%): Đường, chất béo (CBR), bột sữa gầy, bột ca cao, bột whey, ca cao mass, chất nhũ hóa (322i, 476), hương thực phẩm tổng hợp (vani, sôcôla).

Ingredients: Cake: Wheat flour, glucose syrup, sugar, fat (shortening), whole milk powder, salt, leavening agents (500ii, 503ii), acidity adjusting agent (341i), artificial flavour (vanilla), preservative (202).
Cream: Glucose syrup, sugar, gelatine, soy protein, artificial flavour (vanillin).
Chocolate coating (20%): Sugar, fat (CBR), skim milk powder, cocoa powder, whey powder, cocoa mass, emulsifiers (322i, 476), artificial flavours (vanillin, chocolate).

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu (Main qualitative targets):
Độ ẩm (Moisture): ≤ 14% khối lượng

KHUYẾN CÁO:
Không dùng cho người mẫn cảm hoặc dị ứng với các thành phần kể trên.

RECOMMENDATIONS:
Do not use for people who are sensitive or allergic to the above components.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:
Sản phẩm chỉ được sử dụng khi bao bì còn nguyên vẹn, không sử dụng khi bao bì bị rách, hở, có mùi vị lạ hay quá hạn sử dụng.

USAGE:
Product is only used while the packing is undamaged, not use while the packing is open, torn and having unusual taste and smell or over expiry date.

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời.
Keep in dry and cool place, avoid from direct sunlight and temperature

NSX và HSD: Xem trên bao bì.

Sản xuất tại:
NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN – CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
Địa chỉ: Số 02 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.
Manufactured by:
BISCAFUN CONFECTIONERY FACTORY – BRANCH OF QUANG NGAI SUGAR JOINT STOCK COMPANY
Address: 02 Nguyen Chi Thanh Street, Quang Phu Ward, Quang Ngai City, Quang Ngai Province, Vietnam.

Tel: (84) 0255-3822153 **Email:** info@biscafun.com.vn

Nutrition Facts

Serving Size / Serving Per Container	100g
Amount Per Serving	
Calories: 427.46	Calories from Fat 168.3
	% Daily Value *
Total Fat 18.7g	28.76%
Total Carbohydrate 60.3g	20.1%
Protein 4.49g	
Vitamin A 0%	Vitamin C 0%
Calcium 0%	Iron 0%

* Percent Daily Values are based on a 2,000 calories diet. Your daily values may be higher or lower depending on your calories needs.

	Calories	2,000	2,500
Total Fat	Less than	65g	80g
Sat Fat	Less than	20g	25g
Cholesterol	Less than	300mg	300mg
Sodium	Less than	2,400mg	2,400mg
Total Carbohydrate		300g	375g
Dietary Fiber		25g	30g

Calories per gram
Fat 9 • Carbohydrate 4 • Protein 4

8 934614 026243 >

Tại dán

32.2

BiscaFun

GREAT taste 100% GUARANTEED

Sweet Pie

Chocolate Pie With Vanilla Marshmallow Cream

Bánh Mềm Sôcôla Kem Vani

Đậm đà hương vị Vani

20 Cái x 22 g

Khối lượng tịnh (Net WT): 440 g

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI

Mai Văn Hùng

32.3

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

M.S.C.N:4300205943-022.C.T.C.P
NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
TP.QUẢNG NGÃI T.QUẢNG NGÃI

Mai Văn Hùng

32.3

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER2
Website: quatest2.gov.vn; **Email:** info@quatest2.gov.vn

VILAS 023
VIMCERTS 119

Số/*No*: 1378/2R- K8/ 4969 /KT2-HC2 Ngày/*Date of issue*: 14/12/2020 Trang/*Page*: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/*Name of sample*: **BÁNH MỀM SÔCÔLA KEM VANI SWEET PIE**
2. Ký hiệu mẫu/*Mark of sample*:
3. Số lượng mẫu/*Quantity*: 01
4. Tình trạng mẫu/*State of sample*: Mẫu nguyên hộp 440g
5. Khách hàng/*Client*: NHÀ MÁY BÁNH KẸO BISCAFUN - CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG QUẢNG NGÃI
6. Địa chỉ/*Address*: KCN Quảng Phú, 02 Nguyễn Chí Thanh, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
7. Ngày nhận mẫu/*Date of receiving*: 27/8/2020
8. Ngày thử nghiệm/*Date of testing*: từ ngày/*from*: 27/8/2020 đến ngày/*to*: 10/9/2020
9. Kết quả thử nghiệm/*Test results*:

TT/ *Item*	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ *Test property, unit*		PHƯƠNG PHÁP THỬ/ *Test method*	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *Test result*
1	Độ ẩm	g/100g	TCVN 4069:2009	10,6
2	Hàm lượng chất béo	g/100g	TCVN 6555:2017	18,7
3	Hàm lượng Carbohydrate	g/100g	KT2.K2.TN-14/TP	60,3
4	Hàm lượng Protein	g/100g	TCVN 8125:2015	4,49
5	Hàm lượng Cd	mg/kg	AOAC 999.11	< 0,05 (MQL)
6	Hàm lượng Pb	mg/kg	AOAC 999.11	< 0,05 (MQL)
7	Hàm lượng As	mg/kg	AOAC 986.15	KPH (MDL = 0,015)
8	Hàm lượng Hg	mg/kg	AOAC 971.21	KPH (MDL = 0,015)
9	Aflatoxin B1	µg/kg	AOAC 991.31	KPH (MDL = 0,5)
10	Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	AOAC 991.31	KPH (MDL = 1,0)
11	Ochratoxin A	µg/kg	AOAC 2000.09	KPH (MDL = 0,5)
12	Deoxynivalenol	µg/kg	KT2.K8.TN-07/S	KPH (MDL = 150)
13	Zearalenone	µg/kg	KT2.K8.TN-07/S	KPH (MDL = 5,0)

Trụ sở: 02 Ngô Quyền & 97 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng; Fax:3910064 – 3820868; ĐT (Nhận mẫu): 0236 3848376 – 3833009; Kế toán: 3830586; K1: 3831824; K2: 3848338; K3: 3831049; K4: 3921924; K5: 2468589; K6: 3923238; K7: 3606367; K8: 6278889; K9: 2468139; K10: 3575376; N1: 3821113; N2: 2681469; CL: 3833010; TT: 2621068; VPĐDQN: ĐT&Fax - 0255 3713231.

Số/№: 1378/2R- K8/ 4969 /KT2-HC2 Ngày/*Date of issue*: 14/12/2020

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT/ *Item*	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH/ *Test property, unit*		PHƯƠNG PHÁP THỬ/ *Test method*	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *Test result*
14	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	40
15	*Coliforms*	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (< 10)
16	*E.coli*	MPN/g	TCVN 6846:2007	KPH (< 3)
17	*Clostridium perfringens*	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (< 10)
18	*Bacillus cereus* giả định	CFU/g	TCVN 4992:2005	KPH (< 10)
19	*Staphylococci* có phản ứng dương tính với Coagulase (*S.aureus* và các loài khác)	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	KPH (< 10)
20	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH (< 10)

Ghi chú/*Notes*:
- KPH: không phát hiện/*Not detectable;*
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi/*The test results are valid only for the received sample from client;*
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng/*The sample, mark, client and address are named by client's requirements*;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2/*This Test report not be reproduced except in full without the written approval of QUATEST 2;*
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả/*QUATEST 2 is disclaimer when the information is supplied by the customer and can affect the validity of results.*
- (NA): Phép thử chưa được BoA công nhận/*Test method is not accreditated by BoA.*
- (S): Kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ/*Tested by Subcontractor.*
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ *Method Detection Limit.*
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp/ *Method Quantification Limit.*
- **Phiếu kết quả này thay thế Phiếu kết quả số 1378/2- K8/ 4969/KT2-HC2, ngày 11/9/2020**/*This Test report replace the Test report* ***№ 1378/2- K8/ 4969/KT2-HC2, date of issue 11/9/2020.***

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 8
D. Head of Technical Division 8

Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Trung

Trụ sở: 02 Ngô Quyền & 97 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng; Fax:3910064 – 3820868; ĐT (Nhận mẫu): 0236 3848376 – 3833009; Kế toán: 3830586; K1: 3831824; K2: 3848338; K3: 3831049; K4: 3921924; K5: 2468589; K6: 3923238; K7: 3606367; K8: 6278889; K9: 2468139; K10: 3575376; N1: 3821113; N2: 2681469; CL: 3833010; TT: 2621068; VPĐDQN: ĐT&Fax - 0255 3713231.